

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Lê Đình Tiến	Thành viên
Ông Tăng Văn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2011)
Ông Hồ Vĩnh Vân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số. /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trình bày của kỳ trước cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.966.977.587	76.128.504.701
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.413.499.807	6.539.587.137
1. Tiền	111		2.413.499.807	6.539.587.137
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.403.685.790	14.599.832.569
1. Phải thu khách hàng	131		18.533.797.268	14.679.850.332
2. Các khoản phải thu khác	135		782.883.752	832.977.467
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(912.995.230)	(912.995.230)
III. Hàng tồn kho	140	6	56.662.120.433	53.141.377.056
1. Hàng tồn kho	141		57.405.103.753	53.884.360.376
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(742.983.320)	(742.983.320)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.487.671.557	1.847.707.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		958.356.158	992.818.839
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		529.315.399	854.889.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.126.098.972	79.569.508.550
I. Tài sản cố định	220		66.696.127.410	70.925.372.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	17.625.821.369	10.148.794.841
- Nguyên giá	222		52.260.471.581	36.908.440.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.634.650.212)	(26.759.645.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	40.955.256.554	52.661.527.899
- Nguyên giá	225		51.580.006.267	66.415.526.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.624.749.713)	(13.753.998.517)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.115.049.487	8.115.049.487
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1.953.168.411	2.378.061.520
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.378.061.520	2.378.061.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(424.893.109)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.476.803.151	6.266.074.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.473.141.628	2.562.118.821
2. Tài sản dài hạn khác	268	11	3.003.661.523	3.703.955.982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.093.076.559	155.698.013.251

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.887.594.120	89.108.374.542
I. Nợ ngắn hạn	310		68.611.332.121	71.213.723.925
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	49.893.857.430	51.760.488.726
2. Phải trả người bán	312		12.445.658.874	8.554.699.611
3. Người mua trả tiền trước	313		200.125.420	501.425.595
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.300.267.956	4.178.501.836
5. Phải trả người lao động	315		602.493.250	1.481.629.653
6. Chi phí phải trả	316		1.198.834.809	792.571.567
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		61.768.230	2.123.675.985
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		907.326.152	1.820.730.952
II. Nợ dài hạn	330		15.276.261.999	17.894.650.617
1. Phải trả dài hạn khác	333		417.690.000	417.690.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	14.194.452.941	16.812.841.559
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		118.402.058	118.402.058
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		545.717.000	545.717.000
B. VỐN CỔ ĐÔNG	400		70.205.482.439	66.589.638.709
I. Vốn cổ đông	410	15	70.205.482.439	66.589.638.709
1. Vốn điều lệ	411		47.577.700.000	47.577.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.459.386.967	1.459.386.967
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.459.386.967	1.459.386.967
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.650.266.117	16.034.422.387
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154.093.076.559	155.698.013.251

Nguyễn Văn Hùng**Giám đốc**

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
			đến 30/6/2011	đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
1. Doanh thu gộp	01	16	111.828.905.501	104.152.468.265
2. Các khoản giảm trừ	02		-	(12.381.710)
3. Doanh thu thuần	10		111.828.905.501	104.140.086.555
4. Giá vốn hàng bán	11		(88.466.060.244)	(81.345.404.084)
5. Lợi nhuận gộp	20		23.362.845.257	22.794.682.471
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	295.695.384	468.501.071
7. Chi phí tài chính	22	18	(7.325.775.042)	(4.170.997.570)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(5.411.419.432)</i>	<i>(3.426.948.584)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(1.701.651.884)	(1.526.266.576)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(3.070.233.784)	(2.697.888.032)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		11.560.879.931	14.868.031.364
11. Thu nhập khác	31	19	1.647.586.206	918.224.686
12. Chi phí khác	32	20	(772.544.088)	(554.416.684)
13. Lợi nhuận khác	40		875.042.118	363.808.002
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.435.922.049	15.231.839.366
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(3.110.754.319)	(3.838.075.964)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		9.325.167.730	11.393.763.402
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.960	2.396

Nguyễn Văn Hùng**Giám đốc**

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
		đến 30/6/2011	đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.435.922.049	15.231.839.366
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.745.755.726	4.720.659.828
Các khoản dự phòng	03	424.893.109	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	504.713.445	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(274.768.139)	(305.430.713)
Chi phí lãi vay	06	5.411.419.432	3.426.948.584
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.247.935.622	23.074.017.065
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	(3.785.019.221)	(6.033.325.005)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.520.743.377)	16.250.313.148
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	2.431.997.479	(2.397.304.647)
Tăng chi phí trả trước	12	(876.560.126)	(701.856.692)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.455.156.190)	(3.426.948.584)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.225.488.748)	(1.002.787.500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.007.034.160	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(913.404.800)	(1.392.555.013)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.910.594.799	24.369.552.772
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(516.510.909)	(903.580.320)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	-	380.681.818
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	274.768.139	38.060.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(241.742.770)	(484.838.169)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	94.700.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	75.880.296.036	49.256.107.563
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.209.141.460)	(61.890.453.236)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.665.855.647)	(5.803.698.579)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.805.206.000)	(5.070.730.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.799.907.071)	(23.414.074.252)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(4.131.055.042)	470.640.351
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.539.587.137	2.177.532.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	4.967.712	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.413.499.807	2.648.172.933

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Thị Thành

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 250 người (31 tháng 12 năm 2010: 244).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng thông tư này sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	159.050.967	210.818.861
Tiền gửi ngân hàng	2.254.448.840	6.328.768.276
	<u>2.413.499.807</u>	<u>6.539.587.137</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	2.729.771.560	3.761.683.320
Nguyên liệu, vật liệu	43.453.059.050	40.670.781.897
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.908.339.534	5.715.268.223
Hàng hóa	2.904.000	-
Thành phẩm	8.311.029.609	3.736.626.936
	<u>57.405.103.753</u>	<u>53.884.360.376</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(742.983.320)	(742.983.320)
	<u>56.662.120.433</u>	<u>53.141.377.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	31.999.394.935	2.898.829.510	314.275.770	1.695.940.308	36.908.440.523
Tăng	-	516.510.909	-	-	516.510.909
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	14.835.520.149	-	-	-	14.835.520.149
Tại ngày 30/6/2011	<u>46.834.915.084</u>	<u>3.415.340.419</u>	<u>314.275.770</u>	<u>1.695.940.308</u>	<u>52.260.471.581</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	24.335.725.189	960.254.440	282.533.490	1.181.132.563	26.759.645.682
Khấu hao trong kỳ	2.367.489.404	185.782.146	14.873.076	88.325.870	2.656.470.496
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	5.218.534.034	-	-	-	5.218.534.034
Tại ngày 30/6/2011	<u>31.921.748.627</u>	<u>1.146.036.586</u>	<u>297.406.566</u>	<u>1.269.458.433</u>	<u>34.634.650.212</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	<u>14.913.166.457</u>	<u>2.269.303.833</u>	<u>16.869.204</u>	<u>426.481.875</u>	<u>17.625.821.369</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>7.663.669.746</u>	<u>1.938.575.070</u>	<u>31.742.280</u>	<u>514.807.745</u>	<u>10.148.794.841</u>

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với trị giá là 10.802.357.440 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 3.918.664.688 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	13.940.318.700	52.475.207.716	66.415.526.416
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(14.835.520.149)	(14.835.520.149)
Tại ngày 30/6/2011	<u>13.940.318.700</u>	<u>37.639.687.567</u>	<u>51.580.006.267</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	2.648.660.553	11.105.337.964	13.753.998.517
Khấu hao trong kỳ	278.806.374	1.810.478.856	2.089.285.230
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(5.218.534.034)	(5.218.534.034)
Tại ngày 30/6/2011	<u>2.927.466.927</u>	<u>7.697.282.786</u>	<u>10.624.749.713</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	<u>11.012.851.773</u>	<u>29.942.404.781</u>	<u>40.955.256.554</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>11.291.658.147</u>	<u>41.369.869.752</u>	<u>52.661.527.899</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Đây là khoản trả trước 35% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “Công ty CP KCN Phong Phú”) về việc thuê 12.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “KCN Phong Phú”) để xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP KCN Phong Phú vẫn chưa tiến hành bàn giao cho Công ty khu vực đất dự kiến cho thuê theo như tiến độ hợp đồng đã cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Đầu tư dài hạn khác		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	
	30/6/2011	31/12/2010	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phần trong Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn (i)	1.378.061.520	1.378.061.520	(424.893.109)	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
	<u>2.378.061.520</u>	<u>2.378.061.520</u>	<u>(424.893.109)</u>	<u>-</u>

(i) Công ty đã đầu tư mua 72.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

(ii) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này.

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	42.953.730.000	43.071.918.826
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	230.400.000	230.400.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	6.709.727.430	8.458.169.900
	<u>49.893.857.430</u>	<u>51.760.488.726</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC	9.995.370.000	-
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	7.553.918.826
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà	5.737.000.000	7.510.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	25.236.360.000	26.520.000.000
Các cá nhân khác	1.985.000.000	1.488.000.000
	<u>42.953.730.000</u>	<u>43.071.918.826</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC với tổng hạn mức tín dụng là 1.200.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị 13.500.000.000 đồng và các khoản phải thu với giá trị 13.500.000.000 đồng.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà với tổng hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ số cổ phần Công ty sở hữu bởi ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn thế từ Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 28.300.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến,

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng trên đây chịu lãi suất trung bình từ 16% đến 23,3%/năm cho các khoản vay nhận nợ bằng đồng Việt Nam và 7,10%/năm đối với đô la Mỹ.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán nợ gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất từ 1,45% đến 1,55%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	161.115.947	10.253.466
Thuế xuất nhập khẩu	-	825.105.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.110.754.319	3.225.488.748
Các loại thuế khác	28.397.690	117.654.380
	<u>3.300.267.956</u>	<u>4.178.501.836</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay dài hạn	498.000.000	613.200.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	20.636.580.371	24.888.211.459
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	(230.400.000)	(230.400.000)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	(6.709.727.430)	(8.458.169.900)
	<u>14.194.452.941</u>	<u>16.812.841.559</u>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam được đảm bảo bằng xe Toyota Camry mua từ khoản vay này. Khoản vay chịu lãi suất từ 15,84% đến 18,3%/năm và đáo hạn vào ngày 23 tháng 8 năm 2013. Nợ gốc và lãi được trả hàng tháng.

Vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	230.400.000	230.400.000
Trong năm thứ hai	230.400.000	230.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	37.200.000	152.400.000
	<u>498.000.000</u>	<u>613.200.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(230.400.000)</u>	<u>(230.400.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>267.600.000</u>	<u>382.800.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	536.902.874	2.189.504.774
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (“VILC”)	2.044.739.997	2.291.455.644
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu	10.719.888.000	12.665.412.000
Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - kinh doanh văn phòng Tân Tạo (“Taserco”)	7.335.049.500	7.741.839.041
	<u>20.636.580.371</u>	<u>24.888.211.459</u>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2011	31/12/2010	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	7.557.729.200	12.841.219.503	6.709.727.430	8.458.169.900
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	17.389.047.912	23.478.229.331	13.926.852.941	16.430.041.559
	24.946.777.112	36.319.448.834	20.636.580.371	24.888.211.459
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(4.310.196.741)	(11.431.237.375)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	<u>20.636.580.371</u>	<u>24.888.211.459</u>	<u>20.636.580.371</u>	<u>24.888.211.459</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 12)			(6.709.727.430)	(8.458.169.900)
Số phải trả sau 12 tháng			<u>13.926.852.941</u>	<u>16.430.041.559</u>

15. VỐN CỔ ĐÔNG

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 2 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 47.577.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	4.757.770	4.757.770
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.757.770	4.757.770
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư, phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	47.483.000.000	58.742.388	442.386.419	442.386.419	7.000.269.046	55.426.784.272
Tăng vốn trong năm	94.700.000	-	-	-	-	94.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.340.010.985	20.340.010.985
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.604.856.000)	(7.604.856.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.017.000.548	1.017.000.548	(3.701.001.644)	(1.667.000.548)
Số dư tại ngày 31/12/2010	47.577.700.000	58.742.388	1.459.386.967	1.459.386.967	16.034.422.387	66.589.638.709
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.325.167.730	9.325.167.730
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.709.324.000)	(5.709.324.000)
Số dư tại ngày 30/6/2011	47.577.700.000	58.742.388	1.459.386.967	1.459.386.967	19.650.266.117	70.205.482.439

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2011, Công ty đã chia cổ tức bổ sung của năm 2010 là 12% cho một cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010:

	30/6/2011		31/12/2010	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Ông Trần Anh Tiến	5.710.000.000	12,00%	5.710.000.000	12,00%
Ông Nguyễn Văn Hùng	4.000.000.000	8,41%	4.000.000.000	8,41%
Ông Lưu Ích Sáng	3.957.900.000	8,32%	3.957.900.000	8,32%
Ông Nguyễn Thành Hiếu	2.883.050.000	6,06%	2.883.050.000	6,06%
Ông Hồ Vĩnh Vân	2.450.000.000	5,15%	2.450.000.000	5,15%
Mekong Enterprise Fund Ltd.	-	-	14.244.900.000	29,94%
Ông Nguyễn Thái Bình	14.244.900.000	29,94%	-	-
Các cổ đông khác	14.331.850.000	30,12%	14.331.850.000	30,12%
	47.577.700.000	100,00%	47.577.700.000	100,00%

16. DOANH THU GỘP

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)	
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng hóa	3.360.789.708	3.119.974.520
Doanh thu offset	33.280.175.409	32.585.768.423
Doanh thu ống đồng giấy	16.740.788.926	11.270.342.678
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.489.236	2.813.000
Doanh thu bao thư	7.327.621.866	6.441.399.314
Doanh thu ống đồng nhôm	51.114.040.356	50.732.170.330
	111.828.905.501	104.152.468.265

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)	
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	74.768.139	38.060.333
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	200.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	20.927.245	430.440.738
	295.695.384	468.501.071

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	5.411.419.432	3.426.948.584
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	424.893.109	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	504.713.445	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	984.749.056	744.048.986
	<u>7.325.775.042</u>	<u>4.170.997.570</u>

19. THU NHẬP KHÁC

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	380.681.818
Thu từ việc bán các phế liệu	350.028.182	331.633.434
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	801.075.659	-
Khác	496.482.365	205.909.434
	<u>1.647.586.206</u>	<u>918.224.686</u>

20. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	113.311.438
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	278.806.374	278.806.374
Khác	493.737.714	162.298.872
	<u>772.544.088</u>	<u>554.416.684</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	12.435.922.049	15.231.839.366
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	212.095.228	120.464.489
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	(205.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế	<u>12.443.017.277</u>	<u>15.352.303.855</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.110.754.319</u>	<u>3.838.075.964</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	9.325.167.730	11.393.763.402
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	4.757.770	4.754.735
Lãi trên cổ phiếu	<u>1.960</u>	<u>2.396</u>

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng pha loãng cổ phần của Công ty.

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Công ty là bên thuê**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.890.013.752	1.256.969.402

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.785.167.901	3.475.642.579
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.416.029.218	5.792.737.632
	<u>8.201.197.119</u>	<u>9.268.380.211</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả công ty TNHH Vĩnh Hiệp. Thời gian thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê là 3 năm.

Công ty là bên cho thuê

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	801.075.659	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.605.954.764	1.474.630.691
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.007.443.455	3.244.187.520
	<u>3.613.398.219</u>	<u>4.718.818.211</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập từ cho thuê hoạt động thể hiện số tiền cho thuê văn phòng phải thu công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky. Thời gian cho thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê là 3 năm.

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) <u>VNĐ</u>
Nhận vay từ cổ đông		
Ông Nguyễn Văn Hùng	2.672.000.000	-
Ông Liu Ích Sáng	225.000.000	-
Chi trả nợ vay cổ đông		
Ông Nguyễn Văn Hùng	2.690.000.000	-
Ông Liu Ích Sáng	-	150.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ như sau:

	30/6/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn từ cổ đông		
Ông Nguyễn Văn Hùng	-	18.000.000
Ông Liu Ích Sáng	225.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét) <u>VNĐ</u>
Thu nhập Ban Giám đốc	659.558.000	512.437.240

25. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính	30/6/2011	31/12/2010
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51,25	48,89
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48,75	51,11
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	54,44	57,23
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	45,56	42,77
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	30,88	30,56
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,15	1,07
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,30	0,30

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

		Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	11,12	14,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,34	10,94
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	13,28	18,05

26. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 8 năm 2011.

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng